

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1991; Địa chỉ: tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

Người được nguyên đơn uỷ quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng của Toà án: Ông **Đường Văn Q** – Luật sư; sinh năm 1983; Địa chỉ: Số F, đường D, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Ông **Vũ Văn Q1** – sinh năm 1985; Địa chỉ: tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Vũ Văn**

Q1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn Q1 thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Giao con chung tên Vũ Đ, sinh ngày 11/4/2016 cho anh Vũ Văn Q1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung Vũ Đại đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* **Về tài sản chung:** Không có.

* **Về vay nợ chung:** Không có.

* **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001559 ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Nguyễn Thị T được hoàn trả lại số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND KV6 – Thái Nguyên (3b);
- UBND xã Hải Hưng, thành phố Hải Phòng (Nơi đăng ký kết hôn) (01b);
- THADS tỉnh Thái Nguyên (01b);
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên (kèm BBHGT) (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bảo Thanh Toàn